HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THƯ VIỆN (DLL)

# **1. Sử dụng thư viện**

* B1 : add reference thư viện vào project
* B2 : using vào trong class để sử dụng.

using AccountManageSystem.SessionAPI;

* B3 : Khởi tạo

// sessionApi để xác thực(login,logout) và lấy về webServiceTicket

var session = new SessionAPIAsync();

// LOGIN & XÁC THỰC

// Trả về chuỗi thông báo đăng nhập thành công hoặc ném ra ngoại lệ nếu có lỗi.

var res = await session.EstablishConnectionAsync("travh", "travh");

// Trả về WebServiceTicket(Chứa thông tin người dùng) sau khi xác thực.

var webServiceTicket = await session.AuthenticateServiceAsync();

// KIỂM TRA QUYỀN CỦA TÀI KHOẢN

Ví dụ: Kiểm tra Nhóm quyền “Customer” có quyền số 6 (PPUBLISH – Xuất bản) hay k?

//Thêm nhóm quyền cho tài khoản

var boolAddRole = await session.AuthorizeServiceAsync(webServiceTicket.ServiceToken,

webServiceTicket.UserID,new List<string> {"Customer"});

// Get danh sách nhóm quyền của khách hàng

var lstGroupRole = await session.GetRoleListAsync(webServiceTicket.ServiceToken);

// Kiểm tra khách hàng có quyền Publish hay không

// lstGroupRole.ElementAt(0) = "Customer"

var boolRes = await session.CAuthorizeAsync(webServiceTicket.ServiceToken, lstGroupRole.ElementAt(0), 6);

// LOGOUT

var res = await session.CloseConnectionAsync(ServiceToken);

// Danh sách các loại Nhóm Quyền (1 nhóm quyền có thể có nhiều quyền)

{ "Customer", } // Customer có 2 quyền PPUBLISH,PUPDATE (Xuất bản , Biên tập)

{ "Admin", } // Admin có tất cả quyền

{ "Editor" } // Editor có quyền PUPDATE (Biên tập)

{ "Approve" } // Approve có quyền PCONFIRM (Phê duyệt)

{ "Publish", } // Publish có quyền PPUBLISH (xuất bản)

// Danh sách các loại Quyền

public static class clsConstants {

public const int PSELECT = 1;

public const int PINSERT = 2;

public const int PUPDATE = 3; // Editor có quyền PUPDATE (Biên tập)

public const int PDELETE = 4;

public const int PCONFIRM = 5; // Approve có quyền PCONFIRM (Phê duyệt)

public const int PPUBLISH = 6; // Publish có quyền PPUBLISH (xuất bản)

NOTE : Ngoại lệ(**Exception**) xảy ra khi không có quyền hoặc không có license

# **2. Truy cập dữ liệu theo API –** Tất cả phương thức đều trong class **SessionAPIAsync**

## **2.1. Đăng ký thông tin khách hàng**

* Sử dụng phương thức **CreateCustomerAsync()**
  + **Input:**FullName,Email,Phone
  + **Output:** CustomerID (ID khách hàng)

## **2.2. Đăng ký tài khoản cho khách hàng**

* Sử dụng phương thức **CreateCredentialAsync ()**
  + **Input:** CustomerID,UserName,FullName,Email,Phone,Password
  + **Output:** IdWebCredential (ID tài khoản)

var **session** = new SessionAPI.SessionAPIAsync();

var **IdWebCredential** = await **session**.CreateCredentialAsync(Guid.NewGuid(),"truongmta","Phùng Văn Trường","truongmta@gmail.com","0975795616", "truongmta");

## **2.3. Cập nhật thông tin khách hàng**

* Cập nhật thông tin tài khoản: sử dụng method **UpdateCustomerAsync()**
  + **Input:** ServiceToken, CustomerID, CustomerName, Email, Phone

*(Truyền vào những trường dữ liệu muốn cập nhật nếu không thì bỏ qua)*

* + **Output:** True (Update thành công) or False

## **2.4. Cập nhật thông tin tài khoản**

* Cập nhật thông tin tài khoản: Sử dụng method **UpdateCredentialAsync()**
  + **Input:** ServiceToken, IdCredential ,CustomerID, UserName, FullName, Email, Phone, Password

*(Truyền vào những trường dữ liệu muốn cập nhật nếu không thì bỏ qua)*

* + **Output:** True (Update thành công) or False

## **2.5. Cập nhật mật khẩu**

* Cập nhật mật khẩu or Quên mật khẩu khách hàng: Sử dụng method **UpdateCredentialPasswordAsync ()**
  + **Input:** ServiceToken, IdCredential , newPassword,oldPassword = “”
  + **Output:** True (Update thành công) or False

## **2.6. Kiểm tra license của khách hàng theo Sản phẩm.**

* Kiểm tra khách hàng có License chưa: Sử dụng method **IsLicenseProductAsync ()**
  + **Input:** ServiceToken (Lấy từ **WebServiceTicket**), IdProduct
  + **Output:** true (**nếu có license**) or false
  + Note : Thông tin khách hàng đã có trong **WebServiceTicket** nên k trả về nữa.

## **2.7. Thêm quyền và Sửa quyền cho tài khoản.**

* Thêm quyền or Sửa quyền: Sử dụng method **AuthorizeServiceAsync()**
  + **Input:** ServiceToken,UserID (Lấy từ **WebServiceTicket**),

List GroupRole (list nhóm quyền , ví dụ : Customer,Approve,Editor…)

* + **Output:** True (**nếu thành công**) or False

## **2.8. Xóa quyền cho tài khoản.**

* Xóa quyền: Sử dụng method **DeauthorizeServiceAsync()**
  + **Input:** ServiceToken,UserID (Lấy từ **WebServiceTicket**)
  + **Output:** True (**nếu thành công**) or False

## **2.9. Get list Nhóm Quyền của tài khoản.**

* Lấy danh sách quyền: Sử dụngmethod **GetRoleListAsync()**
  + **Input:** ServiceToken
  + **Output:** Nhóm quyền của tài khoản (ví dụ : Customer,Approve,Editor…)

## **2.9. Get list Nhân viên.**

* Lấy danh sách nhân viên: Sử dụng method **GetAllEmployee()**
  + **Input:** ServiceToken
  + **Output:** Danh sách nhân viên

## **2.9. Get list Sản phẩm.**

* Lấy danh sách sản phẩm: Sử dụngmethod **GetAllProduct()**
  + **Input:** ServiceToken
  + **Output:** Danh sách sản phẩm

## **2.10. Get list Sản phẩm theo khách hàng.**

* Danh sách sản phẩm theo khách hàng: Sử dụng method **GetProductByCustomer()**
  + **Input:** ServiceToken, Id tài khoản( là UserID trong **WebserviceTicket**)
  + **Output:** Danh sách sản phẩm theo Khách hàng.

var session = new SessionAPIAsync();

var res = await session.EstablishConnectionAsync("travh", "travh");

var webServiceTicket = await session.AuthenticateServiceAsync();

// Get list product theo khách hàng

var lstProductByCus = await session.GetProductByCustomer(webServiceTicket.ServiceToken, webServiceTicket.UserID);